SỞ Y TẾ TÂY NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂY NINH

Số: 173/QĐ-BVĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 27 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả mua sắm thuốc, hàng hóa không phải là thuốc tại nhà thuốc bệnh viện đa khoa Tây Ninh năm 2025 (lần 2)

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA

Căn cứ Luật Dược 105/2016/QH13 ngày 06/04/2016 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 06 năm 2025 của Quốc hội luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/05/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ, Quy định chi thiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược;

Căn cứ Thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10/06/2011 của Bộ Y tế về việc quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01 tháng 8 tháng 2022 của Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP, ngày 08/11/2021 của Chính phủ;

Căn cứ vào Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của Uỷ ban nhân dân Tây Ninh, về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh trực thuộc Sở Y tế tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-SYT ngày 28 tháng 4 tháng 2023 của Giám đốc Sở Y tế Tây Ninh về việc giao quyền tự chủ tài chánh cho các đơn vị sự nghiệp công lập tuyến tỉnh trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-BVĐK ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Giám đốc bệnh viện đa khoa Tây Ninh về việc ban hành quy trình mua sắm hàng hóa tại nhà thuốc bệnh viện đa khoa Tây Ninh;

Căn cứ Kế hoạch hoạt động và cung cấp thuốc, hàng hoá không phải là thuốc và vật tư Y tế tại nhà thuốc Bệnh viện đa khoa Tây Ninh năm 2025;

Căn cứ Thông báo về việc mua sắm thuốc, các hàng hóa không phải là thuốc tại nhà thuốc bệnh viện đa khoa Tây Ninh năm 2025 (lần 2), ngày 26 tháng 11 năm 2025;

Căn cứ Báo cáo kết quả đánh giá mua sắm thuốc, các hàng hóa không phải là thuốc tại nhà thuốc bệnh viện đa khoa Tây Ninh năm 2025 (lần 2), ngày 25 tháng 02 năm 2026;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng khoa học kỹ thuật ngày 10 tháng 02 năm 2026 về việc thông qua kết quả mua sắm thuốc, hàng hóa không phải là thuốc tại Nhà thuốc Bệnh viện đa khoa Tây Ninh năm 2025 (lần 2);

Căn cứ biên bản họp phòng chức năng bệnh viện đa khoa Tây Ninh ngày 25/02/2026;

Theo tờ trình số: 286/ TTr-HĐKHKT ngày 27 tháng 02 năm 2026, của Hội đồng Khoa học kỹ thuật bệnh viện đa khoa Tây Ninh về việc phê duyệt kết quả mua sắm thuốc, hàng hoá không phải là thuốc tại nhà thuốc bệnh viện đa khoa Tây Ninh. (lần 2);

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kết quả mua sắm thuốc, hàng hóa không phải là thuốc tại Nhà thuốc Bệnh viện đa khoa Tây Ninh năm 2025 (lần 2) với nội dung sau:

- Tổng số mặt hàng: 260 mặt hàng.
- Tổng giá trị hàng hoá: 83.139.268.920 đồng *(Bằng chữ: Tám mươi ba tỷ, một trăm ba mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm hai mươi đồng).*
  - Danh mục thuốc: 195 mặt hàng, giá trị: 70.378.786.200 đồng *(chi tiết thông tin hàng hóa, nhà cung ứng, giá trị tại Phụ lục 1 đính kèm).*
  - Danh mục hàng hoá không phải là thuốc (Thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, sữa dinh dưỡng): 27 mặt hàng, giá trị: 7.076.608.120 đồng *(chi tiết thông tin hàng hóa, nhà cung ứng, giá trị tại Phụ lục 2 đính kèm).*
  - Danh mục hàng hoá không phải là thuốc (Vật tư y tế): 38 mặt hàng, giá trị: 8.683.874.600 đồng *(chi tiết thông tin hàng hóa, nhà cung ứng, giá trị tại Phụ lục 3 đính kèm).*

- Hình thức hợp đồng: hợp đồng theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Giao Khoa Dược phối hợp với các phòng chức năng tiến hành các thủ tục tiếp theo và thực hiện mua sắm hàng hóa đúng theo quy định, đảm bảo công tác phục vụ chuyên môn tại nhà thuốc bệnh viện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng các khoa, phòng có liên quan thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu HC, KD, NTBV.

SỞ Y TẾ TỈNH TÂY NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA

Phan Thanh Tâm

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC THUỐC TRÚNG THẦU
(Đính kèm Quyết định số 473 /QĐ-BVĐK ngày 26/02/2026)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Số đăng ký hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền	Tên công ty
1	A.T MAGNESI B6 PLUS	Magnesi lactat dihydrat Magnesi pidolat Pyridoxin hydroclorid	186 mg 936 mg 10 mg	VD-34569-20	Uống	Dung dịch uống	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 30 gói x 10ml	Gói	6,200	20,000	124,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRẦN GIA TÂM
2	B-COENZYME	Vitamin B6 (Pyridoxin HCL); Vitamin PP (Nicotinamid); Vitamin B5(Calcium D-pantothenat); Vitamin B1 (Thiamin mononitrat); Vitamin B2 (Riboflavin)	10mg + 50mg + 25mg + 15mg + 15 mg	893100271400 (VD-33617-19)	Uống	Viên bao đường	Công ty cổ phần dược phẩm TV Pharm	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	4,300	5,000	21,500,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRẦN GIA TÂM
3	Ronaline 25	Empagliflozin	25mg	VD3-195-22	Uống	Viên	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	18,880	50,000	944,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG PHÚC
4	METFOMIN HCL 850/SITAGLIPTIN 50	Sitagliptin + Metformin hydroclorid	50mg + 850mg	893110451123	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	8,950	40,000	358,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG PHÚC
5	Duoplavin	Acid acetylsalicylic, Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel hydrogen sulphat)	100mg; 75mg	300110793024	Uống	Viên nén bao phim	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	20,828	10,000	208,280,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
6	Lovenox	Enoxaparin natri	4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/0,4ml	300410038223	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Sanofi Winthrop Industrie.	Pháp	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,4ml	Bơm tiêm	85,381	5,000	426,905,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
7	Lovenox	Enoxaparin natri	6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/0,6ml	300410038323	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Sanofi Winthrop Industrie.	Pháp	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,6ml	Bơm tiêm	113,163	7,000	792,141,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
8	Toujeo Solostar	Insulin glargine	300 (đơn vị) U/ml	400410304624	Tiêm	Dung dịch tiêm	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	Hộp 5 bút tiêm nạp sẵn thuốc x 1,5ml	Bút tiêm	415,000	1,000	415,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
9	Soliqua Solostar	Insulin glargine, Lixisenatide	Insulin glargine 100 đơn vị/ml, Lixisenatide 50mcg/ml	SP3-1236-22	Tiêm	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	Hộp 3 bút tiêm x 3ml; Hộp 5 bút tiêm x 3ml	Bút tiêm	490,000	1,000	490,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
10	Coaprovel	Irbesartan; Hydrochlorothiazide	150mg; 12,5mg	VN-16721-13	Uống	Viên nén bao phim	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	9,561	10,000	95,610,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
11	Rosuvastatin 10mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	10mg	893110133825	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	474	10,000	4,740,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
12	Depakine Chrono	Natri valproate; Acid valproic	333,00mg; 145,00mg	VN-16477-13	Uống	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	SANOFI WINTHROP INDUSTRIE	Pháp	Hộp 1 lọ 30 viên	Viên	6,972	24,000	167,328,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
13	Vildareddys	Vildagliptin	50mg	520110773124	Uống	Viên nén	Pharmathen International SA	Hy Lạp	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	7,400	50,000	370,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
14	Arip tablet 10mg	Aripiprazole	10mg	890110003300 (VN-22478-19)	Uống	Viên nén	Torrent Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	6,900	30,000	207,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
15	Tormeg-20	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin Canxi)	20mg	520110030923	Uống	Viên nén bao phim	Pharmathen S.A.	Greece	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	1,700	20,000	34,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
16	Plavix 75mg	Clopidogrel hydrogen sulphate tương đương 97,875mg với Clopidogrel base 75mg	75mg	VN-16229-13	Uống	Viên nén bao phim	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Hộp 1 vỉ x 14 viên	Viên	16,819	20,000	336,380,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
17	Ancitic	Almagat	1g/ 7,5ml	893100198823	Uống	Hỗn dịch uống	Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao ABIPHA	Việt Nam	Hộp 30 gói x 7,5ml	Gói	6,500	10,000	65,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC

18	Kogimin	Acid folic + Calci lactate + Calci pantothenat + Đồng sulfat + Kali iod + Sắt fumarat + Vitamin A + Vitamin B1 + Vitamin B12 + Vitamin B2 + Vitamin B6 + Vitamin C + Vitamin D3 + Vitamin PP	200µg (mcg) + 147,3mg + 5mg + 1,02mg + 23,5µg (mcg) + 60,68mg + 1250IU + 5mg + 3µg (mcg) + 2mg + 2mg + 50mg + 250IU + 18mg	893100074600 (VD-19528-13)	Uống	Viên nang mềm	Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Hộp 12 vỉ x 5 viên	Viên	3,000	10,000	30,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN PHÚ MINH
19	Flaben 1000	Diosmin	1000mg	VD-35920-22	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hà Nam	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	8,400	10,000	84,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN PHÚ MINH
20	Gintana 120	Ginkgo biloba	120mg	893200129200 (VD-27182-17)	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	4,500	50,000	225,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN PHÚ MINH
21	Seacaminfort	Mecobalamin	1500mcg	893110308100 (VD-28798-18)	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	3,100	10,000	31,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN PHÚ MINH
22	Gaviret	Natri alginat + Natri bicarbonat + Calci carbonat	(500mg + 213mg + 325mg) /10ml	893100227024	Uống	Hỗn dịch uống	Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao ABIPHA	Việt Nam	Hộp 30 gói x 10ml	Gói	7,300	10,000	73,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN PHÚ MINH
23	Capriles	Piracetam	800mg/10ml	893110922324 (VD-26814-17)	Uống	Dung dịch uống	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 20 ống x 10ml	Ống	5,100	30,000	153,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN PHÚ MINH
24	Asakoya 100	Saponin toàn phần chiết xuất từ lá Tam thất	100mg	893200192925 (VD-32673-19)	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	12,500	30,000	375,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN PHÚ MINH
25	Amisea	Silymarin	167mg	893200128900 (VD-32555-19)	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	5,900	5,000	29,500,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN PHÚ MINH
26	Medi - Neuro Ultra	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	250mg + 250mg + 1000mcg	893100713624 (VD-32071-19)	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	4,050	50,000	202,500,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN PHÚ MINH
27	Bocamin 500	Calci carbonat + Vitamin D3	1250mg + 0,01mg	893100454023	Uống	Viên nén nhai	Công ty Cổ phần Dược phẩm Sao Kim	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	5,800	15,000	87,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HAPIFA
28	Neosamin forte	Glucosamin hydroclorid + Natri chondroitin sulfat	500mg + 20mg	893100275400 (VD-19781-13)	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần S.P.M	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	5,500	15,000	82,500,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HAPIFA
29	Abricotis	Calcium carbonate + Cholecalciferol (Vitamin D3)	1.500 mg + 500 UI	VN-23069-22	Uống	Viên nén bao phim	Probiotec Pharma Pty.. Ltd	Australia	Hộp 06 vỉ x 10 viên	Viên	5,700	12,000	68,400,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC & TBYT BẢO CHÂU
30	Pramital	Citalopram hydrobromid	20mg	520110016625 (VN-21205-18)	Uống	Viên nén bao phim	Anfarm hellos S.A	Greece	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	9,900	12,000	118,800,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC & TBYT BẢO CHÂU
31	Yradan 5mg	Donepezil HCl	5mg	VN -23010-22	Uống	Viên nén phân tán tại miệng	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	25,935	20,000	518,700,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC & TBYT BẢO CHÂU
32	Join- Flex	Glucosamin	500mg	VN- 15791-12	Uống	Viên nang	Probiotec Pharma Pty.. Ltd	Úc	Hộp 5 vỉ x 12 viên	Viên	4,000	20,000	80,000,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC & TBYT BẢO CHÂU
33	Losar-Denk 100	Losartan	100mg	400110993924 (VN-17418-13)	Uống	Viên nén bao phim	Denk Pharma GmbH & Co.KG	Germany	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	8,925	20,000	178,500,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC & TBYT BẢO CHÂU
34	Lorista HD	Losartan kali 100 mg; Hydrochlorothiazide 25 mg	100mg + 25mg	VN-22907-21	Uống	Viên nén bao phim	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	8,900	20,000	178,000,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC & TBYT BẢO CHÂU
35	MB-12 Tablet	Mecobalamin	0.5mg	VN-22630-20	Uống	Viên nén bao phim	The Acme Laboratories Ltd	Banglades	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	2,100	20,000	42,000,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC & TBYT BẢO CHÂU
36	Reumoxican	Piroxicam	20mg	560110011523	Uống	Viên nén phân tán	Medinfar Manufacturing S.A. - Portugal	Portugal	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	7,686	150,000	1,152,900,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM KHANG TÍN
37	Repaglinid MCN 2	Repaglinid	2mg	893110110800	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Medcen	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	4,300	100,000	430,000,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM KHANG TÍN
38	Zibifer	Sắt (dưới dạng iron (III) hydroxide polymaltose complex 34%)	100mg/10ml; 10ml	893100708024 (VD-31146-18)	Uống	Si rô	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV - Việt Nam	Việt Nam	Hộp 20 ống x 10ml	Ống	9,300	100,000	930,000,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM KHANG TÍN
39	Solufemo	Sắt III (dưới dạng Sắt (III) Hydroxid Polymaltose complex)	50mg/5ml; 5ml	893100154624 (VD-26830-17)	Uống	Dung dịch uống	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây - Việt Nam	Việt Nam	Hộp 30 ống x 5ml	Ống	6,680	100,000	668,000,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM KHANG TÍN
40	Luciw-Cap	Vildagliptin	50mg/5ml; 5ml	893110343000	Uống	Viên nang cứng	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm - Việt Nam	Việt Nam	Hộp 03, 05, 06, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 02, 04, 05 vỉ x 14 viên	Viên	5,500	150,000	825,000,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM KHANG TÍN
41	Mimelin	Bromelain	20mg	893100062023	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	7,100	10,000	71,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IP
42	Ciramplex 20	Escitalopram (dưới dạng Escitalopram oxalat)	20mg	893110205700 (VD-33376-19)	Uống	Viên nén bao phim	Chi nhánh công ty CPDP Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	6,300	20,000	126,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG CHÂU

43	Acecalgin 400mg	Aciclovir	400mg	893610797124 (GC-315-19)	Uống	Viên nén	Cơ sở nhận gia công: Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên	8,000	5,000	40,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MINH NGUYÊN
44	Ricicet 400mg	Moxifloxacin (dưới dạng moxifloxacin hydrochloride 436,33mg)	400mg	893615726624	Uống	Viên nén bao phim	Cơ sở nhận gia công: Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	48,000	50,000	2,400,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MINH NGUYÊN
45	Skiran 50mg	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate 64,25mg)	50mg	893610358624	Uống	Viên nén bao phim	Cơ sở nhận gia công: Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 viên, Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	12,000	50,000	600,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MINH NGUYÊN
46	Angioblock 160mg	Valsartan	160mg	GC-340-21	Uống	Viên nén bao phim	Cơ sở nhận gia công: Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	7,000	10,000	70,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MINH NGUYÊN
47	Milurit	Allopurinol	200mg	599110188023	Uống	Viên nén	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	Hộp 1 Lọ x 30 viên	Viên	2,450	20,000	49,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
48	Lipocomb 20mg/10mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin zinc) + Ezetimibe	20mg + 10mg	599110439725	Uống	Viên nang cứng	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Egis Pharmaceuticals Private Limited Company (Địa chỉ: 1165 Budapest, Bökényföldi út 118-120., Hungary))	Hungary	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	24,900	10,000	249,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
49	Grandaxin	Tofisopam	50mg	599110407523 (VN-15893-12)	Uống	Viên nén	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	8,000	200,000	1,600,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
50	Grandaxin	Tofisopam	50mg	599110407523 (VN-15893-12)	Uống	Viên nén	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	8,000	50,000	400,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
51	FABAZIXIN 500	Azithromycin (dưới dạng azithromycin dihydrat)	500mg	893110199923	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 3 viên	Viên	12,000	5,000	60,000,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM NGUYÊN HƯNG
52	Aluantine Tablet	Almagate	500mg	8801000045725 (SĐK cũ: VN-21118-18)	Uống	Viên nén	Aprogen Biologics Inc.	Republic of Korea	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	7,980	10,000	79,800,000	CÔNG TY TNHH MTV TRANG THIẾT BỊ Y TẾ - VẬT TƯ TIÊU HAO GLMED
53	Ibafilin	Cholin alfoscerate	400 mg	VD-35859-22	Uống	Viên nang mềm	Công ty CP dược vật tư y tế Hà Nam	Việt Nam	Hộp 02 vỉ, 03 vỉ, 05 vỉ x 10 viên	Viên	11,382	20,000	227,640,000	CÔNG TY TNHH MTV TRANG THIẾT BỊ Y TẾ - VẬT TƯ TIÊU HAO GLMED
54	Mezathin	L-Ornithin L-Aspastat	500mg	893110629624 (SĐK cũ: VD-22152-15)	Uống	Viên nang mềm	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 12 vỉ x 5 viên	Viên	2,982	10,000	29,820,000	CÔNG TY TNHH MTV TRANG THIẾT BỊ Y TẾ - VẬT TƯ TIÊU HAO GLMED
55	Bivantox 200 tab	Alpha lipoic acid	200mg	VD3-55-20	Uống	Viên nén	Công ty CP dược phẩm Trung Ương I - Pharbaco	Việt Nam	Hộp 3vỉ x 10 viên	Viên	6,195	20,000	123,900,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VẠN KHANG
56	Trixovin	Diosmin	500mg	893110106000	Uống	Viên nén bao phim	Công ty CP dược Phúc Vinh	Việt Nam	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Viên	4,200	12,000	50,400,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VẠN KHANG
57	Thiocolchicosid OD DWP 8mg	Thiocolchicosid	8mg	893110087325	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	Công ty cổ phần dược phẩm Wealphar	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	7,500	30,000	225,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VẠN KHANG
58	Solamup 30	Dexlansoprazol (dưới dạng pellet Dexlansoprazol 20%)	30mg	893110115224	Uống	Viên nang cứng chứa pellet bao tan trong ruột	Công ty Cổ phần Dược phẩm Wealphar	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	15,000	12,000	180,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ Y TẾ HALIPHAR
59	Growlie	Mỗi 5ml chứa: Calci carbonat (tương đương 500mg Calci nguyên tố 1250mg)	2500mg/10 ml	893100344100	uống	Hỗn dịch uống	Công ty Cổ phần Dược Enlie	Việt Nam	Hộp 20 gói x 10ml	gói 10ml	3850	15000	57750000	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược phẩm Mỹ Đức
60	Enterobella	Bacillus clausii	1 x 10^9 – 2 x 10^9 CFU	893400175100 (QLSP-0795-14)	Uống	thuốc bột uống	Công ty CP hóa - dược phẩm mekophar	Việt Nam	Hộp 25 gói x 1g	Gói 1g	5,434	24,000	130,416,000	CÔNG TY TNHH TMDV NGUYÊN GIA
61	Omcetti 300 mg	Cefdinir	300mg	VD-24840-16	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Vỉ 10 viên, hộp 1 vỉ	Viên	10,500	12,000	126,000,000	CÔNG TY TNHH TMDV NGUYÊN GIA
62	Alphachymotrypsin - BVP 8400 *(Tên mới: Alphachymotrypsin-BRV 8400)*	Chymotrypsin	8400 USP Unit	893110637724 (VD-20618-14)	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần Dược phẩm Reliv	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	2,250	40,000	90,000,000	CÔNG TY TNHH TMDV NGUYÊN GIA
63	Atiferlit	Sắt nguyên tố (dưới dạng Sắt (III) hydroxyd polymaltose 34%)	10mg/ml (1%(w/v)) (100mg/10ml)	893100288000 (SĐK cũ: VD-34132-20)	Uống	Dung dịch uống	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 30 ống x 10ml	Ống	9,000	300,000	2,700,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ ANH ĐẠT GOLD
64	Pm KIDDIECAL	Calcium hydrogen phosphate anhydrous + Vitamin D3 + Vitamin K1	678mg; 200 IU; 30mcg	VN-16986-13 930100782724	Uống	viên nang mềm dạng nhai	Catalent Australia Pty.Ltd	Australia	Lọ 30 viên	Viên	8,800	20,000	176,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THÀNH LONG
65	LIVOSIL 140mg	Silymarin	140mg	VN-18215-14 477200005924	Uống	viên nang cứng	UAB "Aconitum"	Litva	Hộp 8 vỉ x 15 viên	Viên	6,550	12,000	78,600,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THÀNH LONG
66	MECEFIX-B.E 250MG	Cefixim	250mg	893110182124 (VD-29378-18)	Uống	Viên nang	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	9,900	96,000	950,400,000	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP

67	DIOBYSTA	Diosmectite	3g	893100162823	Uống	Hỗn dịch uống	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Hộp 12 gói x 10g	Gói	4,500	10,000	45,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP
68	AQUIMA	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd + Simethicon	400mg/10ml; 351,9mg/10ml; 50mg/10ml	893100244200 (VD-32231-19)	Uống	Hỗn dịch uống	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Hộp 20 gói x 10ml	Gói	3,300	96,000	316,800,000	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP
69	EBYSTA	Sodium alginate; Calcium carbonate; Sodium bicarbonate	500mg; 160mg; 267mg	893100244300 (VD-32232-19)	Uống	Hỗn dịch uống	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Hộp 20 gói x 10ml	Gói	4,000	96,000	384,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP
70	Nexzac 40	Esomeprazole	40mg	890110019724 (VN-18474-14)	Uống	Viên nén kháng acid dạ dày	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	15,000	10,000	150,000,000	CÔNG TY: TNHH DƯỢC PHẨM MINH HOÀNG
71	DIFEN PLASTER	Diclofenac	15mg	VN-22546-20	Dùng ngoài	Miếng dán	Sinil Pharm	Korea	Hộp 3 túi x 7 miếng	Miếng	8,300	100,000	830,000,000	CÔNG TY: CÔNG TY TNHH INTERESTRUST CA
72	ECOXIA 30	Etoricoxib	30mg	893110756924	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	4,000	15,000	60,000,000	CÔNG TY: CÔNG TY TNHH INTERESTRUST CA
73	FEBULIV 40	Febuxostat	40mg	890110776624	Uống	Viên nén bao phim	RV Lifesciences Limited	India	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	8,579	10,000	85,790,000	CÔNG TY: CÔNG TY TNHH INTERESTRUST CA
74	MYDERISON	Tolperison	50mg	599110171300 (VN-21062-18)	Uống	Viên nén bao phim	Meditop Pharmaceutical Ltd.	Hungary	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Viên	2,500	10,000	25,000,000	CÔNG TY: CÔNG TY TNHH INTERESTRUST CA
75	MYDERISON	Tolperison	150mg	599110171200 (VN-21061-18)	Uống	Viên nén bao phim	Meditop Pharmaceutical Ltd.	Hungary	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	3,400	10,000	34,000,000	CÔNG TY: CÔNG TY TNHH INTERESTRUST CA
76	URSOSAN FORTE	Ursodeoxycholic acid	500mg	859110015723	Uống	Viên nén bao phim	PRO.MED.CS Praha a.s.	Czech Republic	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Viên	23,500	5,000	117,500,000	CÔNG TY: CÔNG TY TNHH INTERESTRUST CA
77	Bluecabose 50mg	Acarbose	50mg		Uống	Viên nén không bao	Bluepharma- Indústria Farmacêutica, S.A	Bồ Đào Nha	Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	2,680	50,000	134,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD
78	Amlodipine/Atorvastatin Normon 5mg/10mg film coated tablets	Amlodipin + Atorvastatin	5mg + 10mg	840110183223	Uống	Viên nén bao phim	Laboratorios Normon, S.A	Tây Ban Nha	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	8,800	20,000	176,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD
79	Cyplosart 50 FC tablets	Losartan kali	50mg	529110521224 (VN-18866-15)	Uống	Viên nén bao phim	Remedica Ltd.	Cộng hòa Síp	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	1,320	5,000	6,600,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD
80	Chemistatin 20mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	20mg	529110033625 (SĐK cũ: VN-21618-18)	Uống	Viên nén bao phim	Medochemie Ltd - Central Factory	Cyprus	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	9,000	4,500	40,500,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ ANH ĐẠT GOLD
81	DOMUVAR	Bacillus subtilis	2x10^9 CFU (2 tỷ)	893400090523	Uống	Hỗn dịch uống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 8 vỉ x 5 ống nhựa x 5ml	Ống	5,500	30,000	165,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN SANTAV
82	STADELTINE	Levocetirizin	5mg	893100338723 (VD-27542-17)	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Viên	2,000	5,000	10,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN SANTAV
83	PARTAMOL TAB.	Paracetamol	500mg	893100156725	Uống	Viên nén	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	550	50,000	27,500,000	CÔNG TY CỔ PHẦN SANTAV
84	CUELLAR	Ursodeoxycholic acid	150mg	893110046823	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	4,200	5,000	21,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN SANTAV
85	VITAMIN C STELLA 1G	Vitamin C	1g	893110463224	Uống	Viên nén sủi bọt	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 4 viên	Viên	1,900	10,000	19,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN SANTAV
86	Gourcuff-2,5	Alfuzosin	2,5mg	893110660724 (VD-28911-18)	Uống	Viên nén bao phim	g ty cổ phần dược phẩm Đạt V	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	4,200	5,000	21,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC DƯỢC PHẨM ISAKA
87	Deslora	Desloratadin	5mg	893100403324 (VD-26406-17)	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	1,700	5,000	8,500,000	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC DƯỢC PHẨM ISAKA
88	Lacikez 4mg	Lacidipin	4mg	590110425823	Uống	Viên nén bao phim	BIOFARM Sp. z o.o.	Poland	Hộp 8 vỉ x 7 viên	Viên	6,400	5,000	32,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC DƯỢC PHẨM ISAKA
89	Telpharusa 40	Telmisartan	40mg	893110147823	Uống	Viên nang cứng	y cổ phần Dược - Vật tư y tế N	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	1,500	10,000	15,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC DƯỢC PHẨM ISAKA
90	Auzion 1000	Amoxicilin + acid clavulanic	875mg + 125mg	893110281524	Uống	Viên nén phân tán	ng ty cổ phần dược phẩm Tipha	Việt Nam	Hộp 02 vỉ x 07 viên	Viên	7,900	24,000	189,600,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KOVI
91	Beclozine 25	Clozapin	25mg	893110584624 (VD-18186-13)	Uống		Công ty cổ phần Dược Enlie	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Viên	990	12,000	11,880,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KOVI
92	Ezofeta Tablet	Ezetimibe	10mg	VN-22950-21	Uống	Viên nén	KRKA, D.D., Novo, Mesto	Slovenia	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Viên	10,980	50,000	549,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KOVI
93	Amesartil 75	Irbesartan	75mg	VD-22966-15	Uống	Viên nén	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	2,100	20,000	42,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KOVI
94	Opemesal	Mesalazine	500mg	893110156623	Uống	Viên nén bao tan ở ruột	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	5,800	12,000	69,600,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KOVI
95	Efferoxen	Naproxen	250mg	893100135800	Uống	Viên sủi	Công ty cổ phần Dược Enlie	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 20 viên	Viên	6,750	15,000	101,250,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KOVI
96	Perfeelly	Progesteron	400mg	VN-23262-22	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Farmaprim Ltd	Moldova	Hộp 2 vỉ x 6 viên	Viên	27,300	10,000	273,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KOVI
97	Orga-Hepa Forte	L-Ornithin L-Aspartat	3g	893110582024	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	ng ty TNHH MTV 120 Armepl	Việt Nam	Hộp 20 gói x 5g	Gói	12,379	2,000	24,758,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĨNH PHÁT HG
98	Rosutrox	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calcium)	10mg	590110523124 (SĐK cũ: VN-20450-17)	Uống	Viên nén bao phim	Biofarm Sp. z o.o	Ba Lan	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	8,274	20,000	165,480,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TRIỆU GIANG
99	Ducmesa	Mesalamin	500mg	893110157900	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Nhà máy HD pharma EU - Công ty cổ phần Dược VTYT Hải Dương	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	6,500	10,000	65,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DƯỢC PHẨM HÂN LONG

100	UROKA	Dutasteride	0,5mg	885110169700 kèm theo Quyết định số 806/QĐ-QLD ngày 07/12/2024 về việc ban hành danh mục 71 thuốc nước ngoài được cấp, gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 122 bổ sung	Uống	Viên nang mềm	Mega Lifesciences Public Company Limited	Thailand	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	7.990	10.000	79,900,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội
101	GILOBA	Cao ginkgo biloba (Dưới dạng ginkgo biloba phytosome)	40mg	VN-20891-18 kèm công văn 16965/QLD-ĐK ngày 4/9/2018 V/v đính chính Quyết định cấp số đăng ký thuốc nước ngoài và quyết định 62/QĐ-QLD ngày 8/2/2023 V/v công bố Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc có giấy đăng ký lưu hành được tiếp tục sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 80/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội (Đợt 1)	Uống	Viên nang mềm	Mega Lifesciences Public Company Limited	Thailand	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	3.850	50.000	192,500,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội
102	FLEXSA 1500	Glucosamin sulfat 2KCl tương đương Glucosamin sulfat	1500mg	930100173400 kèm quyết định 806/QĐ-QLD ngày 07/12/2024 về việc ban hành danh mục 71 thuốc nước ngoài được cấp, gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam – Đợt 122 bổ sung	Uống	Thuốc bột uống	ga Lifesciences (Australia) Pty.	Australia	Hộp 30 gói x 3.7g	Gói	8.500	20.000	170.000.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội
103	MEBAAL 1500	Mecobalamin	1500mcg	890110035423 (theo quyết định 146/QĐ-QLD ngày 2/3/2023 V/v ban hành danh mục 170 thuốc nước ngoài được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 112	Uống	Viên nén bao phim	Windlas Biotech Limited (Pla	India	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	3.000	20.000	60.000.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội
104	FORAIR 125	Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate); Fluticasone propionate	25mcg; 125mcg	890110083423 theo quyết định 226/QĐ-QLD ngày 03/04/2023 v/v ban hành danh mục 182 thuốc nước ngoài được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam- Đợt 113; Công văn số 4559/QLD-ĐK ngày 4/5/2023 V/v công bố danh mục nội dung thay đổi nhỏ chỉ yêu cầu thông báo theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Thông tư số 08/2022/TT-BYT (Đợt 1);	Hít qua đường miệng	Thuốc xịt phun mù	Zydus Lifesciences Limited	India	Hộp 1 bình xịt 120 liều	Bình	79.800	200	15.960.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội
105	FORAIR 250	Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate); Fluticasone propionate	25mcg; 250mcg	890110083523 theo quyết định 226/QĐ-QLD ngày 03/04/2023 v/v ban hành danh mục 182 thuốc nước ngoài được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam- Đợt 113; Công văn số 4559/QLD-ĐK ngày 4/5/2023 V/v công bố danh mục nội dung thay đổi nhỏ chỉ yêu cầu thông báo theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Thông tư số 08/2022/TT-BYT (Đợt 1);	Hít qua đường miệng	Thuốc xịt phun mù	Zydus Lifesciences Limited	India	Hộp 1 bình xịt 120 liều	Bình	89.700	200	17.940.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội

106	MAXLEN - 70	Alendronic acid (dưới dạng Natri alendronat trihydrat)	70mg	VN-21626-18 kèm quyết định số 809/QĐ-QLD ngày 03/11/2023 V/v công bố Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc có giấy đăng ký lưu hành được tiếp tục sử dụng theo qui định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 80/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội (Đợt 9)	Uống	Viên nén	Rafarm S.A.	Greece	Hộp 1 vỉ x 4 viên	Viên	47,900	20,000	958,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội
107	LIVOLIN FORTE	Lecithin (PC 35%) 857,13 mg cung cấp Phospholipids thiết yếu (Polyunsaturated phosphatidylcholine); - Vitamin B1 (Thiamine mononitrate); - Vitamin B2 (Riboflavin); - Vitamin B6 (Pyridoxine HCl); - Vitamin B12 (Cyanocobalamin); - Nicotinamide; - Vitamin E acetate (AlphaTocopheryl Acetate)	6 mg; 10mg; 10 µg (m	VN-15542-12 theo quyết định số: 232/QĐ-QLD ngày 29/04/2022 V/v ban hành danh mục 133 thuốc nước ngoài được cấp, gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 108.1	Uống	Viên nang mềm	Lifesciences Public Company L	Thailand	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	5,000	20,000	100,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội
108	RESIDRON	Risedronat natri	35mg	VN-20314-17 kèm quyết định 62/QĐ-QLD ngày 8/2/2023 V/v công bố Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc có giấy đăng ký lưu hành được tiếp tục sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 80/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội (Đợt 1)	Uống	Viên nén bao phim	Pharmathen S.A	Greece	Hộp 1 vỉ x 4 viên	Viên	52,000	20,000	1,040,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội
109	NORMAGUT	Men Saccharomyces boulardii đông khô	2.5x10^9 tế bào/250mg	QLSP-823-14 kèm Quyết định số 317/QĐ-QLD ngày 17/6/2022 về việc ban hành Danh mục 32 vắc xin, sinh phẩm được cấp, gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 44	Uống	Viên nang cứng	Ardeypharm GmbH	Germany	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	6,780	20,000	135,600,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội
110	AVARINO	Simethicone + Alverine citrate	300mg.60mg	VN-14740-12 kèm công văn số 7981/QLD-ĐK ngày 08/6/2017 về việc thay đổi mẫu nhãn, thay đổi cách ghi địa chỉ nhà sản xuất nhượng quyền; quyết định số 573/QĐ-QLD ngày 23/9/2022 về việc ban hành danh mục 169 thuốc nước ngoài được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 110	Uống	Viên nang mềm	Lifesciences Public Company L	Thailand	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Viên	2,500	20,000	50,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội
111	ROCIMUS 0.03% W/W	Tacrolimus	0,3mg/g	VN-11966-11 kèm quyết định 62/QĐ-QLD ngày 8/2/2023 V/v công bố Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc có giấy đăng ký lưu hành được tiếp tục sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 80/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội (Đợt 1)	Dùng ngoài da	Thuốc mỡ	The Madras Pharmaceuticals	India	Tuýp 10g	Tube	225,000	1,000	225,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội
112	ROCIMUS 0.1%W/W	Tacrolimus	0,1% W/W	VN-11967-11 kèm quyết định 62/QĐ-QLD ngày 8/2/2023 V/v công bố Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc có giấy đăng ký lưu hành được tiếp tục sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 80/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội (Đợt 1)	Dùng ngoài da	Thuốc mỡ	The Madras Pharmaceuticals	India	Tuýp 10g	Tube	350,000	1,000	350,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội

113	FLOEZY	Tamsulosin hydrochloride	0,4 mg	840110031023 theo quyết định số 146/QĐ-QLD ngày 2/3/2023 V/v ban hành danh mục 170 thuốc nước ngoài được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 112	Uống	ên nén phóng thích kéo	Synthon Hispania, SL	Spain	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	12,000	20,000	240,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội
114	URSOLIV 250	Ursodeoxycholic acid	250mg	VN-18372-14 kèm công văn số 976/QLD-ĐK ngày 19/01/2016 về việc thay đổi tên nhà sản xuất, thay đổi địa điểm sản xuất và quyết định số 265/QĐ-QLD ngày 11 tháng 5 năm 2022 V/v duy trì hiệu lực số đăng ký 05 năm kể từ ngày ký (11/5/2022), Công văn số 32571e/QLD-ĐK ngày 13/11/2024 V/v thay đổi, bổ sung đối với thuốc đã được cấp GĐKLH	Uống	Viên nang cứng	Mega Lifesciences Public Company Limited	Thailand	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Viên	6,900	20,000	138,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội
115	Natrixam 1.5mg/5mg Tab 6x5's	Indapamide 1,5mg, Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate) 5mg	1,5mg; 5mg	300110029823	Uống	Viên nén giải phóng kiểm soát	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 6 vỉ x 5 viên	Viên	4,987	36,000	179,532,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
116	AUGMENTIN ES 600MG/42.9MG/5ML 1X50ML	Sau khi hoàn nguyên, mỗi 5 mL hỗn dịch thuốc chứa 600mg amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrate) và 42,9mg acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanate), tỷ lệ 14:1	ưới dạng amoxicillin tr	300110965424	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Glaxo Wellcome Production	Pháp	Hộp 1 chai chứa bột pha 50mL hỗn dịch uống	Chai	283,200	100,000	28,320,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
117	AUGMENTIN ES 600MG/42.9MG/5ML 1X100ML	Sau khi hoàn nguyên, mỗi 5 mL hỗn dịch thuốc chứa 600mg amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrate) và 42,9mg acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanate), tỷ lệ 14:1	ưới dạng amoxicillin tr	300110965424	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Glaxo Wellcome Production	Pháp	Hộp 1 chai chứa bột pha 100mL hỗn dịch uống	Chai	422,400	200	84,480,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
118	AUGMENTIN TABLET 1G 2x7'S	Amoxicillin (Dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (Dưới dạng clavulanat potassium)	875mg + 125mg	VN-20517-17	Uống	Viên nén bao phim	SmithKline Beecham Pharmaceuticals	Anh	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Viên	16,680	10,000	166,800,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
119	Bilaxten Tab 20mg 10's	Bilastine	20mg	VN2-496-16	Uống	Viên nén	A. Menarini Manufacturing Logistics and Services S.r.l	Ý	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên	9,300	24,000	223,200,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
120	Bisoprolol 2.5mg Tab 2x15's	Bisoprolol fumarat	2.5mg	590110992124	Uống	Viên nén bao phim	Lek S.A	Ba Lan	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Viên	684	20,000	13,680,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
121	Symbicort Rapihaler 160/4,5mcg 120Dose	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Mỗi liều xịt chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg; 120 liều	300110006424	Dạng hít	Hỗn dịch nén dưới áp suất dùng để hít	AstraZeneca Dunkerque Production	Pháp	Hộp 1 túi nhôm x 1 bình xịt 120 liều	Bình	434,000	200	86,800,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
122	Symbicort Turbuhaler 120 Dose	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg; 120 liều	VN-20379-17	Hít/Dạng hít	Thuốc bột để hít	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Hộp 1 ống hít 120 liều	Ống	434,000	200	86,800,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
123	Gliatilin 1000mg/4ml Ampoules 5's	Choline Alfoscerate	1000mg/4ml	VN-13244-11	Tiêm	Dung dịch tiêm	Italfarmaco S.P.A	Ý	Hộp 5 ống 4ml	Ống	69,300	2,000	138,600,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
124	Forxiga Tab 10mg 2x14's	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat)	10mg	VN3-37-18	Uống	Viên nén bao phim	CSSX: AstraZeneca Pharmaceuticals LP; CSĐG và xuất xưởng lô: AstraZeneca UK Ltd	CSSX: Mỹ, CSĐG và xuất xưởng lô: Anh	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	19,000	10,000	190,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
125	Xigduo XR 10mg/500mg Tab 4x7's	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat); Metformin hydrochlorid	10mg/500mg	VN3-217-19	Uống	n bao phim phóng thích	AstraZeneca Pharmaceuticals LP	Mỹ	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	21,470	10,000	214,700,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
126	Xigduo XR 10mg/1000mg Tab 4x7's	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat); Metformin hydrochlorid	10mg/1000mg	VN3-216-19	Uống	n bao phim phóng thích	AstraZeneca Pharmaceuticals LP	Mỹ	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	21,470	10,000	214,700,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
127	DAFLON TAB 500MG 60'S	Phân đoạn flavonoid vi hạt tinh chế ứng với: Diosmin 90% 450mg; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 10% 50mg	450mg; 50mg	VN-22531-20	Uống	Viên nén bao phim	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Viên	3,886	72,000	279,792,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
128	Duphaston 10mg Tablets 1x20's	Dydrogesterone	10mg	870110067423	Uống	Viên nén bao phim	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	Hộp 1 vỉ x 20 viên	Viên	8,888	5,000	44,440,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2

129	ipanthyl NT 145mg Tablets 3x10	Fenofibrate (Nanoparticules)	145mg	539110009825 (VN-21162-18)	Uống	Viên nén bao phim	Fournier Laboratories Ireland Limited. Đóng gói và xuất xưởng: Astrea Fontaine	Ireland đóng gói Pháp	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	10,561	10,000	105,610,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
130	SERETIDE EVOHALER DC 25/50MCG 120D	Fluticasone propionate ; Salmeterol xinafoate	Fluticasone propionate 50mcg; Salmeterol 25mcg/liều	840110783924 (VN-14684-12)	Hít qua đường miệng	Thuốc phun mù hệ hỗn dịch để hít qua đường miệng	Glaxo Wellcome S.A.	Tây Ban Nha	Bình xịt 120 liều	Bình xịt	147,425	200	29,485,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
131	Diamicron MR Tab 30mg 60's	Gliclazide	30mg	VN-20549-17	Uống	Viên nén phóng thích có kiểm soát	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 2 vỉ x 30 viên	Viên	2,682	36,000	96,552,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
132	Diamicron MR tab 60mg 30's	Gliclazide	60mg	VN-20796-17	Uống	Viên nén phóng thích có kiểm soát	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Viên	5,126	36,000	184,536,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
133	Procoralan Tab 7.5mg 56's	i dạng Ivabradine hydrochloride	7,5mg	300110526224	Uống	Viên nén bao phim	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Viên	10,546	15,000	158,190,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
134	PHALAC 10G/15ML SACHETS	Lactulose	10g/15ml	870100067323	Uống	Dung dịch uống	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	Hộp 20 gói x 15ml	Gói	5,600	2,000	11,200,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
135	Keppra Tab 500mg 60's	Levetiracetam	500mg	VN-18676-15	Uống	Viên nén bao phim	UCB Pharma SA	Bỉ	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	15,470	12,000	185,640,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
136	Galvus MET 50mg/1000mg 6x10	Metformin Hydrochloride, Vildagliptin	1000mg, 50mg	400110771824	Uống	Viên nén bao phim	Cơ sở sản xuất: Novartis Pharma Produktions GmbH; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Lek Pharmaceuticals d.d., Poslovna enota PROIZVODNJA LENDAVA	Cơ sở đóng gói và	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	9,274	10,000	92,740,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
137	Betaloc Zok 50mg Tab 2x14's	Metoprolol succinat	47,5mg (tương đương với 50mg metoprolol tartrate hoặc 39mg metoprolol)	730110022123	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	5,490	10,000	54,900,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
138	SERETIDE ACCUHALER 50/500MCG 1 x 60 DOSE	Mỗi liều hít chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate) 50mcg ; Fluticasone propionate 500mcg	50mcg/ 500mcg	VN-20767-17	Hít qua đường miệng	Bột hít phân liều	GlaxoSmithKline LLC	Mỹ	Hộp 1 dụng cụ hít accuhaler 60 liều	Bình	218,612	200	43,722,400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
139	SERETIDE EVOHALER DC 25/250MCG 120D	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dưới dạng salmeterol xinafoate micronised); Fluticason propionate (dạng micronised)	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dưới dạng salmeterol xinafoate micronised) 25mcg và Fluticason propionate (dạng micronised) 250mcg	840110788024	Hít qua đường miệng	Thuốc phun mù định liều hệ hỗn dịch	Glaxo Wellcome S.A.	Spain	Hộp 1 bình 120 liều xịt	Bình xịt	278,090	200	55,618,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
140	BREZTRI AEROSPHERE 160/7.2/5MCG 120DOSES	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg. Glycopyrronium 7,2mcg. Formoterol fumarat dihydrat 5mcg	160mcg + 7,2mcg + 5mcg	300110445423	Hít/Đường hô hấp	Hỗn dịch nén dưới áp suất dùng để hít	AstraZeneca Dunkerque Production	Pháp	Hộp gồm 1 túi nhôm chứa 1 bình xịt 120 liều	Bình	948,680	200	189,736,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
141	Coversyl Tab 5mg 30's	Perindopril arginine (tương ứng với 3,395mg perindopril) 5 mg	5mg	VN-17087-13	Uống	Viên nén bao phim	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 1 lọ 30 viên	Viên	5,028	36,000	181,008,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
142	Coveram 5-5 Tab 5mg/5mg 30's	Perindopril arginine 5mg; (tương đương 3,395mg perindopril); Amlodipine(dưới dạng amlodipin besilate) 5mg	5mg; 5mg	VN-18635-15	Uống	Viên nén	Servier Ireland Industries Ltd	Ailen	Hộp 1 lọ x 30 viên	Viên	6,589	36,000	237,204,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
143	COVERSYL PLUS 5/1.25MG TAB ARGININE 30'S	Perindopril arginine (tương ứng với 3,395mg perindopril) 5 mg; Indapamide 1,25 mg	5 mg; 1.25mg	VN-18353-14	Uống	Viên nén bao phim	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 1 lọ 30 viên	Viên	6,500	36,000	234,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
144	RANEXICOR 375MG TABLETS 30'S	Ranolazine 375mg	375mg	400110438523	Uống	Viên nén giải phóng kéo dài	Menarini - von Heyden GmbH	Đức	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Viên	6,300	20,000	126,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
145	RANEXICOR 500MG TABLETS 30'S	Ranolazine 500mg	500mg	400110438723	Uống	Viên nén giải phóng kéo dài	Menarini - von Heyden GmbH	Đức	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Viên	7,700	20,000	154,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
146	RIVACRYST 20MG TABLETS 1X14'S	Rivaroxaban	20mg	858110959324	Uống	Viên nén bao phim	Sanecа Pharmaceuticals A.S	Slovakia	Hộp 1 vỉ x 14 viên	Viên	19,900	5,000	99,500,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
147	Uperio 200mg 4x7	Sacubitril và Valsartan (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan natri)	97,2mg và 102,8mg (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan natri 226,20mg)	800110436123	Uống	Viên nén bao phim	Novartis Farma SpA	Ý	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	20,000	15,000	300,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
148	Ventolin Inh 100mcg 200Dose	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	100mcg/liều xịt	VN-18791-15	Xịt theo đường miệng	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Glaxo Wellcome S.A.	Tây Ban Nha	Hộp 1 bình xịt 200 liều	Bình xịt	76,379	200	15,275,800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
149	BRILINTA TAB 90MG 6 X10'S	Ticagrelor	90mg	VN-19006-15	Uống	Viên nén bao phim	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	15,873	5,000	79,365,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
150	BRILINTA TAB 60MG 6 X10'S	Ticagrelor	60mg	VN-23103-22	Uống	Viên nén bao phim	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	15,873	5,000	79,365,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
151	Vastarel MR Tab 35mg 60's	Trimetazidine dihydrochloride	35mg	VN-17735-14	Uống	bao phim giải phóng có	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 2 vỉ x 30 viên	Viên	2,705	72,000	194,760,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
152	Betixtin	Betahistindihydrochlorid	24 mg	594110298525	Uống	Viên nén	Antibiotice SA	Romania	Hộp 1 ống 20 viên; Hộp 1 ống 10 viên	Viên	5,616	30,000	168,480,000	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Khánh Hà

153	Niflad ES	Amoxicilin; Acid Clavulanic	600mg; 42.9mg	893110848224	Uống	Viên nén phân tán	CN Cty CPDP Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	Hộp 1 túi nhôm chứa 04 vỉ x 7 viên	Viên	13,480	100,000	1,348,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PVN
154	Felnosat	Sắt (III) Hydroxide Polymaltose và Acid Folid BP	100mg; 500mcg	VD-35894-22	Uống	Viên nén	Chi nhánh Resantis Việt Nam - Cty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	5,400	200,000	1,080,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PVN
155	PFERTZEL	Acid acetylsalicylic + Clopidogrel	75mg + 75mg	893110103423	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	6,000	20,000	120,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
156	ALANBOSS XL 5	Alfuzosin	5mg	893110204323	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Viên	5,822	15,000	87,330,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
157	STEFAMLOR 5/10	Amlodipin + atorvastatin	5mg + 10mg	893110298824	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	3,700	20,000	74,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
158	GON SA ATZETI	Atorvastatin + Ezetimibe	10mg + 10mg	VD-30340-18	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	5,800	20,000	116,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
159	BISNOL	Bismuth	120mg	VD-28446-17	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	3,950	10,000	39,500,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
160	CALCIUM STELLA 500 MG	Calci carbonat + Calci gluconolactat	300mg + 2.940mg	893100095424 (VD-27518-17)	Uống	Viên nén sủi bọt	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 20 viên	Viên	3,500	20,000	70,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
161	ANPEMUX	Carbocistein	250mg	893100346923	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	920	10,000	9,200,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
162	HORNOL	Cytidin-5-monophosphat disodium + Uridin	5mg + 3mg	VD-16719-12	Uống	Viên nang	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	4,390	30,000	131,700,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
163	STADNEX 40 CAP	Esomeprazol	40mg	VD-22670-15	Uống	Viên nang cứng	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	6,500	30,000	195,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
164	SAVI ETORICOXIB 30	Etoricoxib	30mg	893110164824	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	4,000	15,000	60,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
165	OZTIS	Glucosamin + Chondroitin	750mg + 250mg	VN-23096-22	Uống	Viên nén bao phim	Lipa Pharmaceuticals Pty., Ltd.	Australia	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	11,500	20,000	230,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
166	DIMAGEL	Guaiazulen + Dimethicon	4mg + 300mg	VD-33154-19	Uống	Viên nang mềm	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	4,000	15,000	60,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
167	STADLACIL 2	Lacidipin	2mg	893110463123	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	3,700	20,000	74,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
168	ACRITEL-10	Levocetirizin	10mg	893100415024	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	2,990	15,000	44,850,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
169	ANTILOX PLUS	Magnesi hydroxid + Nhôm hydroxid + Simethicon	800mg + 400mg + 80mg	893100202424	Uống	Hỗn dịch uống	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 20 gói x 10g	Gói	3,250	15,000	48,750,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
170	ALUMASTAD	Magnesi hydroxid + Nhôm hydroxid	400mg + 306mg	VD-34904-20	Uống	Viên nhai	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 4 vỉ xé x 10 viên	Viên	1,890	10,000	18,900,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
171	ALMASANE	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd + Simethicon	400mg + 450mg + 50mg	893100398123	Uống	Hỗn dịch uống	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 20 gói x 10g	Gói	4,390	5,000	21,950,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
172	PRACETAM 1200	Piracetam	1.200mg	893110050123	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	2,550	15,000	38,250,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
173	MORITIUS	Pregabalin	75mg	VD-19664-13	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 14 viên	Viên	1,400	70,000	98,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
174	AYITE	Rebamipid	100mg	893110313224	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	3,200	20,000	64,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
175	XELOSTAD 15	Rivaroxaban	15mg	VD-35500-21	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 14 viên	Viên	25,196	10,000	251,960,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
176	ZLATKO-25	Sitagliptin	25mg	VD-23924-15	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	5,000	20,000	100,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
177	GLOCKNER-10	Thiamazol (Methimazol)	10mg	893110660624	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	1,890	20,000	37,800,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
178	TICVANO 15 MG	Tolvaptan	15mg	VD3-206-22	Uống	Viên nén	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	160,000	1,000	160,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA

179	BACI - SUBTI	Bacillus clausii	>=10^8CFU/ 500mg	893400647624 (QLSP-840-15)	Uống	Viên nang cứng	ông ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	2,950	40,000	118,000,000	CÔNG TY TNHH - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRUNG TÍN
180	Bloci	Ciprofloxacin	500mg	VN-22502-20	Uống	Viên nén	Bluepharma- Indústria Farmacêutica, S.A.	Bồ Đào Nha	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	10,900	10,000	109,000,000	CÔNG TY TNHH - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRUNG TÍN
181	Optoflox	Levofloxacin	500mg	VD-22196-15	Uống	viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Viên	9,937	12,000	119,244,000	CÔNG TY TNHH - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRUNG TÍN
182	Otemon 10mg	Montelukast natri	10mg	VN-22881-21	Uống	Viên nén bao phim	Laboratorios Lesvi S.L.	Tây Ban Nha	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	9,599	20,000	191,980,000	CÔNG TY TNHH - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRUNG TÍN
183	Duomeprin 40	Pantoprazol	40mg	VD-21669-14	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV	Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	4,800	20,000	96,000,000	CÔNG TY TNHH - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRUNG TÍN
184	Efferalgan	Paracetamol	300mg	300100011424	Đặt hậu môn	Thuốc đạn	UPSA SAS	Pháp	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Viên	2,831	1,000	2,831,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
185	Ferlatum	Mỗi lọ 15ml dung dịch chứa: Sắt (III) (dưới dạng sắt protein succinylat	40mg (800mg)	840110998124	Uống	Dung dịch uống	Italfarmaco S.A.	Tây Ban Nha	Hộp 10 lọ x 15ml	Lọ	18,500	100,000	1,850,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
186	Jardiance	Empagliflozin	10mg	VN2-605-17 (Có QĐ gia hạn số 573/QĐ-QLD ngày 23/09/2022)	Uống	Viên nén bao phim	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	23,072	9,000	207,648,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
187	Jardiance	Empagliflozin	25mg	VN2-606-17 (Có QĐ gia hạn số 573/QĐ-QLD ngày 23/09/2022)	Uống	Viên nén bao phim	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	26,533	9,000	238,797,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
188	Natecal D3	Calci carbonat + Vitamin D3	1500mg (tương đương 600mg Calci nguyên tố) + 400IU	800100014724	Uống	Viên nén rã trong miệng	Italfarmaco S.p.A.	Ý	Hộp 1 chai 60 viên	Viên	4,000	100,000	400,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
189	Glyxambi	Empagliflozin + Linagliptin	25mg + 5mg	400110016623	Uống	Viên nén bao phim	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	40,554	9,000	364,986,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
190	Glyxambi	Empagliflozin + Linagliptin	10mg + 5mg	400110143323	Uống	Viên nén bao phim	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	37,267	9,000	335,403,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
191	Humalog Mix 75/25 Kwikpen	Insulin lispro (trong đó 25% là dung dịch insulin lispro và 75% là hỗn dịch insulin lispro protamine)	300U (tương đương 10,5mg)/3ml	QLSP-1088-18 (Có QĐ gia hạn số 302/QĐ-QLD ngày 27/04/2023)	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Lilly France	Pháp	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml (15 kim kèm theo)	Bút tiêm	198,000	1,000	198,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
192	Dutasteride Teva 0,5mg	Dutasteride	0,5mg	599110007623	Uống	Viên nang mềm	Teva Pharmaceutical Works Private Limited Company	Hungary	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	10,680	10,000	106,800,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
193	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml (30/70 (tương đương 3,5 mg))	300410179000	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Novo Nordisk Production SAS	Pháp	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn x 3ml (15 kim kèm theo)	Bút tiêm	200,508	1,000	200,508,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
194	Irprestan 150mg	Irbesartan	150mg	380110516024	Uống	Viên nén bao phim	Balkanpharma - Dupnitsa AD	Bulgaria	Hộp 2 vỉ x 14 viên	viên	1,328	15,000	19,920,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
195	Ultracet	Tramadol hydrochloride + Paracetamol	37,5mg + 325mg	VN-22778-21	Uống	Viên nén bao phim	Janssen Cilag S.P.A.	Ý	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	5,900	20,000	118,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
	Tổng 195 khoản												70,378,786,200	

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC HÀNG HÓA KHÔNG PHẢI LÀ THUỐC TRÚNG THẦU

(Đính kèm Quyết định số 173 /QĐ-BVĐK ngày 26/02/2026)

TT	Mã HH theo danh mục	Tên hàng hoá	ĐVT	Quy cách đóng gói	Dạng bào chế	Đường dùng	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền	Tên công ty trúng thầu
1	NTI2.12	Thực phẩm Dinh dưỡng y học NutriDream Energy	Gói 500ml kèm dây nuôi ăn	Thùng 15 gói	dung dịch lỏng	nuôi ăn qua ống thông đường tiêu hoá	Immergut GmbH& Co.KG	Pháp	240,000	1,000	240,000,000	CÔNG TY TNHH TM & XNK NHẬT LÂM
2	NTI2.13	Thực phẩm Dinh dưỡng y học NutriDream Power	Gói 500ml kèm dây nuôi ăn	Thùng 15 gói	dung dịch lỏng	nuôi ăn qua ống thông đường tiêu hoá	Immergut GmbH& Co.KG	Đức	270,000	1,000	270,000,000	CÔNG TY TNHH TM & XNK NHẬT LÂM
3	NTI2.14	Thực phẩm Dinh dưỡng y học NutriDream Soya	Gói 500ml kèm dây nuôi ăn	Thùng 15 gói	dung dịch lỏng	nuôi ăn qua ống thông đường tiêu hoá	Immergut GmbH& Co.KG	Đức	230,000	1,000	230,000,000	CÔNG TY TNHH TM & XNK NHẬT LÂM
4	NTI2.15	Thực phẩm Dinh dưỡng y học NutriDream Vanilla Flavor	hộp 200ml	Thùng 24 hộp	dung dịch lỏng	uống trực tiếp	Immergut GmbH& Co.KG	Đức	88,000	3,000	264,000,000	CÔNG TY TNHH TM & XNK NHẬT LÂM
5	NTI2.02	TPDD y học CaloSure America 400g (Vị thanh nhẹ)	Lon	400g	Bột uống	Uống	Công ty CP Sữa VitaDairy VN	Việt Nam	343,548	1,200	412,257,600	CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM
6	NTI2.02	TPDD y học CaloSure America 900g (Vị thanh nhẹ)	Lon	900g	Bột uống	Uống	Công ty CP Sữa VitaDairy VN	Việt Nam	672,516	1,200	807,019,200	CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM
7	NTI2.03	TP dùng cho chế độ ăn đặc biệt CaloSure America+ 400g (Tiểu đường)	Lon	400g	Bột uống	Uống	Công ty CP Sữa VitaDairy VN	Việt Nam	343,548	240	82,451,520	CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM

TT	Mã HH theo danh mục	Tên hàng hoá	ĐVT	Quy cách đóng gói	Dạng bào chế	Đường dùng	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền	Tên công ty trúng thầu
8	NTI2.03	TP dùng cho chế độ ăn đặc biệt CaloSure America+ 800g (Tiểu đường)	Lon	800g	Bột uống	Uống	Công ty CP Sữa VitaDairy VN	Việt Nam	672,516	240	161,403,840	CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM
9	NTI2.04	TP dùng cho chế độ ăn đặc biệt CaloSure America Medic 400g	Lon	400g	Bột uống	Uống	Công ty CP Sữa VitaDairy VN	Việt Nam	297,972	1,200	357,566,400	CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM
10	NTI2.04	TP dùng cho chế độ ăn đặc biệt CaloSure America Medic 850g	Lon	850g	Bột uống	Uống	Công ty CP Sữa VitaDairy VN	Việt Nam	579,960	1,200	695,952,000	CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM
11	NTI2.06	SPDD công thức ColosBaby Gold 0+ 400g (Mới)	Lon	400g	Bột uống	Uống	Công ty CP Sữa VitaDairy VN	Việt Nam	311,796	240	74,831,040	CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM
12	NTI2.06	SPDD công thức ColosBaby Gold 0+ 800g (Mới)	Lon	800g	Bột uống	Uống	Công ty CP Sữa VitaDairy VN	Việt Nam	615,924	240	147,821,760	CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM
13	NTI2.16	SPDD chuyên biệt cho người bệnh suy thận có lọc máu ngoài thận Nepro 2 Gold 400g	Lon	400g	Bột uống	Uống	Công ty CP Sữa VitaDairy VN	Việt Nam	226,800	360	81,648,000	CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM

TT	Mã HH theo danh mục	Tên hàng hoá	ĐVT	Quy cách đóng gói	Dạng bào chế	Đường dùng	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền	Tên công ty trúng thầu
14	NTI2.17	SPDD chuyên biệt cho người bệnh thận có Ure huyết tăng Nepro 1 Gold 400g	Lon	400g	Bột uống	Uống	Công ty CP Sữa VitaDairy VN	Việt Nam	226,800	360	81,648,000	CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM
15	NTI2.18	SPDD giàu Protein Nepro 2 400g	Lon	400g	Bột uống	Uống	Công ty CP Sữa VitaDairy VN	Việt Nam	235,116	360	84,641,760	CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VITADAIRY VIỆT NAM
16	NTI2.20	SunoHada Soothing Lotion 100ml	Chai	Chai 100ml	Sữa dưỡng ẩm	Dùng ngoài	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	272,945	600	163,767,000	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap
17	NTI2.10	MG+CALCIUM	Viên	Hộp 30 viên nang cứng	Viên nang cứng		Uống	Italy	11,000	18,000	198,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TYMEPHARCO
18	NT12.22	VCALMARIN K2	Viên	Hộp 60 viên nang cứng	Viên nang cứng	Uống	LUSTREL LABORATOIRES	Pháp	9,000	36,000	324,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TYMEPHARCO
19	NT12.05	CEBVARS	Viên	Hộp 60 viên nang cứng	Viên nang cứng	Uống	Honor Ilac Sanayi Limited Siketi	Thổ Nhĩ Kỳ	20,000	40,000	800,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TYMEPHARCO
20	NT12.21	TICOBAN	Viên	Hộp 60 viên nang cứng	Viên nang cứng	Uống	ERBEX S.R.L	Italy	28,000	15,000	420,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TYMEPHARCO
21	NT12.08	Idravitae Ure 25%	Tuýp	Tuýp 60ml	Kem bôi	Bôi ngoài da	Red Pharma Laboratories Polska S.A.	Ba lan	260,000	300	78,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TYMEPHARCO
22	NT12.01	Calmapherol Baby Milk	Chai	Chai 185ml	Kem bôi	Bôi ngoài da	Red Pharma Laboratories Polska S.A.	Ba lan	360,000	300	108,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TYMEPHARCO

TT	Mã HH theo danh mục	Tên hàng hoá	ĐVT	Quy cách đóng gói	Dạng bào chế	Đường dùng	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền	Tên công ty trúng thầu
23	NTI2.23	YOICEE Daily Fresh	chai	Hộp 1 chai	Dung dịch / gel	Vệ sinh bên ngoài	Công ty Cổ phần dược phẩm Phương Nam	Việt Nam	140,000	2,400	336,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ YOICO
24	NTI2.24	YOICEE Relief +	chai	Hộp 1 chai	Dung dịch / gel	Vệ sinh bên ngoài	Công ty Cổ phần dược phẩm Phương Nam	Việt Nam	160,000	2,400	384,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ YOICO
25	NTL2.07	FERROVIT C	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên nang mềm	Uống	Mega Lifesciences Public Company Limited	Thailand	5,891	12,000	70,692,000	Công ty TNHH Mega Lifesciences (Việt Nam)
26	NTL2.09	MAXCAL	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	Mega Lifesciences (Australia) Pty.,Ltd	Australia	4,909	12,000	58,908,000	Công ty TNHH Mega Lifesciences (Việt Nam)
27	NTL2.11	Nano Curcumin	viên	hộp	viên nang cứng	Uống	Công ty CP Dược phẩm Việt (Đông Dược Việt)	Việt Nam	6,000	24,000	144,000,000	Sunrise Plus Việt Nam
	Tổng 27 khoản										**7,076,608,120**	

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ TRÚNG THẦU
(Đính kèm Quyết định số 473 /QĐ-BVĐK ngày 26/02/2026)

STT	Tên hàng hóa theo yêu cầu báo giá	Tên thương mại	Thông số/thành phần/đặc tính kỹ thuật	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng dùng	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Tên công ty trúng thầu
1	Gel làm giảm sẹo FORSCAR SCAR RECOVERY GEL UV SPF 30 10 ML	**Gel làm giảm sẹo FORSCAR SCAR RECOVERY GEL UV SPF 30 10 ML**	Trong 1g gel chứa: Dimethicone 0,5g + Cyclomethicone 0,075g + Dimethiconol 0,04g + Dimethicone Crosspolymer 0,05g + Isopropyl Myristate 0,04g + Ethylhexyl Methoxycinnamate 0,06g + Octocrylene 0,06g + Trimethylsiloxysilicate 0,05g + Squalane 0,05g + Ethylhexyl Salicylate 0,05g + Benzophenone-3 0,005g + C30-45 Alkyldimethylsilyl Polypropylsilsesquioxane 0,02g	(0,5g + 0,075g + 0,04g + 0,05g + 0,04g + 0,06g + 0,06g + 0,05g + 0,05g + 0,05g + 0,005g + 0,02g)/1g gel; 10ml	Bôi	Gel	Alpaya Doğal ve Kozmetik Ürünleri San. ve Tic. A.Ş.	Thổ Nhĩ kỳ	Hộp 1 tuýp 10ml	Hộp	516,000	1,000	516,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN PHÚ MINH
2	LadyBalance	**LadyBalance**	Lactose monohydrate, Magnesium stearate, Silicium dioxide	95,5-99,9%; 0,3-2,0%; 0,1-2,5%	Viên đặt âm đạo	Viên đặt	LadyBalance Aps	Đan Mạch	Hộp 1 vỉ x 12 viên	Viên	22,083	1,200	26,499,600	Công ty TNHH Phân phối dược phẩm Âu Mỹ
3	Bao dây camera	Bao camera nội soi	Chất liệu: màng nhựa PE, có vòng nhựa xanh dương, kích cỡ: 150mm x 2.5m. Đã tiệt trùng				Tương Lai	Việt Nam	Gói 1 cái, thùng 100 cái	Cái	13,000	1,000	13,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
4	Bao dây đốt	Bao dây đốt	Chất liệu: nhựa PP, tiệt trùng, kích thước 2,50x >=5m. Đã tiệt trùng				Công ty TH Family	Việt Nam	Gói 1 cái	Cái	11,000	1,000	11,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
5	Bao khoan điện	Bao khoan điện	Chất liệu: nhựa PE, dài 2,2-2,5m đường kính 15-18cm, có lỗ để đầu khoan				Nhật Minh	Việt Nam	Gói 1 cái	Cái	12,000	1,000	12,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
6	Bình dẫn lưu màng phổi	Bình dẫn lưu màng phổi	Làm bằng nhựa PVC, dung tích 1600ml, có ống nối đi kèm				Nhật Minh	Việt Nam	Hộp 1 cái, thùng 12 cái	Cái	210,000	500	105,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
7	Bộ catheter chạy thận nhân tạo cấp cứu	Bộ catheter chạy thận nhân tạo 12FR-20	Tiêu chuẩn: ISO 13485 : 2016; EC				Ameco Medical Industries	Ai Cập	Gói 1 bộ	Bộ	480,000	500	240,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
8	Bộ điều kinh	Bộ điều kinh Karman DK-01	Xilanh và piston: 1 bộ - Ống hút: 2 ống - Dầu bôi trơn: 1 lọ				Sài Gòn Medical Plastic	Việt Nam	Gói 1 bộ	Bộ	66,000	1,000	66,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
9	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn một đường	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn một đường	Bao gồm thiết bị xả, bộ IV (macrodrip), dây nối chịu áp lực 48" (122cm) và 12" (30cm), hai khóa 3 ngã. Phạm vi đo huyết áp: -50 to +300 mm Hg. Nhiệt độ hoạt động: 15 to 40 C				Merit Medical Singapore Pte, Ltd	Singapore	Gói 1 bộ	Bộ	490,000	500	245,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT

STT	Tên hàng hóa theo yêu cầu báo giá	Tên thương mại	Thông số/thành phần/đặc tính kỹ thuật	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng dùng	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Tên công ty trúng thầu
10	Canyl mở khí quản các số	Canyl mở khí quản các số	Sản xuất từ nhựa y tế PVC nhạy cảm nhiệt, mềm mại, dễ sử dụng, không gây các hiệu ứng phụ khi tiếp xúc với cơ thể bệnh nhân.				Hitec Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Hộp 1 cái	Cái	110,000	100	11,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
11	Catheter đặt tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Catheter đặt tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng GS-3042 được sản xuất bởi Romsons/Ấn Độ từ chất liệu PU công thức đặc biệt đảm bảo tương thích sinh học. - Được sản xuất phù hợp với các kỹ thuật thông dụng. - Ống nong mềm cho phép dễ dàng đặt catheter đúng vị trí. - Ống thông được đánh dấu rõ ràng giúp xác định chính xác vị trí. - Vô trùng, đóng gói riêng lẻ; vỉ 1 chiếc; hộp 10 chiếc; thùng 20 chiếc. - Được thiết kế đặt biệt giúp dung nạp mô tốt và giảm thiểu tác động vào thành mạch. - Đầu mềm chống xoắn được làm từ chất liệu Polyurethane đảm bảo chèn chắc chắn, giảm thiểu tổn thương thành mạch.				B.Braun	Malaysia	Hộp 1 bộ	Bộ	633,000	500	316,500,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
12	Catheter tĩnh mạch đùi 18G	Catheter tĩnh mạch đùi 18G	Kim bằng kim loại được làm từ thép không gỉ rất sắc, siêu mỏng, dễ dàng tiêm xuyên qua da và thành mạch kể cả động mạch giúp bệnh nhân ít đau. Silicon ôm chặt kim được làm bằng nhựa FEP (Teflon) giúp kim có tính đàn hồi cao và không bị gẫy gập. Ngoài ra trên kim có in đường cản quang, giúp theo dõi dòng chảy một cách dễ dàng.				LAMED HEALTHCARE PRIVATE LIMITED	Ấn Độ	Hộp 100 cái	Bộ	3,150	500	1,575,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
13	Dây cưa sọ não	Dây cưa sọ não	Chất liệu: Inox không gỉ - Nguồn gốc xuất xứ: Công nghệ Đức/ Pakistan - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE					Pakistan	Sợi	Sợi	210,000	500	105,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
14	Dây dẫn đường niệu quản	Dây dẫn đường niệu quản					Medical Equipment India	Ấn Độ	Sợi	Sợi	170,000	200	34,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT

STT	Tên hàng hóa theo yêu cầu báo giá	Tên thương mại	Thông số/thành phần/đặc tính kỹ thuật	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng dùng	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Tên công ty trúng thầu
15	Dây oxy 2 nhánh người lớn/trẻ em	Dây oxy 2 nhánh người lớn/trẻ em	Sản xuất từ nhựa y tế PVC an toàn, mềm mại, dễ sử dụng, không gây các hiệu ứng phụ khi tiếp xúc với cơ thể bệnh nhân. Bề mặt mềm mại và mịn màng không có cạnh sắc nét				Greetmed	Trung Quốc	Bịch 1 sợi, thùng 100 sợi	Sợi	7,500	10,000	75,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
16	Dây thở máy gây mê người lớn	Dây thở máy gây mê người lớn	Dây có thể co dãn giúp không gian sử dụng hiện đại Chất lượng Cao cấp Sản phẩm được cấp chứng nhận: ISO13485; GMP; FDA; CE - Tiệt khuẩn bằng EtO - Đạt tiêu chuẩn: ISO và CE và FSC châu Âu (hoặc tương đương)				Acare	Đài Loan	Bộ	Bộ	700,000	3,000	2,100,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
17	Điện cực tim	Điện cực tim nền xốp	Thiết kế hình chữ nhật với góc tròn. Nền xốp, không thấm. Gel sử dụng ít chloride, dễ chịu cho da. Dễ thao tác.				3M	Trung Quốc	Túi 50 cái, thùng 20 túi	Miếng	4,500	20,000	90,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
18	Gạc bông 8*15cm	Gạc bông 8*15cm	Kích thước: 8x15cm - Bông gạc đắp vết thương bao gồm: 1 lớp bông được bọc ngoài bởi 1 lớp gạc hoặc vải không dệt. - Tiệt trùng bởi khí Ethylene Oxide - Khả năng thấm hút cao và nhanh. - Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da				Bảo Thạch	Việt Nam	Bịch 10 miếng	Miếng	2,800	20,000	56,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
19	Gạc xếp sọ não 4 lớp gạc kích thước 7cm x 9cm	Gạc xếp sọ não 4 lớp gạc kích thước 7cm x 9cm	Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide. Được làm từ vải không dệt. Có sợi cản quang, nên dễ dàng đặt vào và lấy ra sau khi đã sử dụng. Khả năng thấm hút cao và nhanh. Bề mặt mịn màng, mềm mại. An toàn, không có phản ứng đào thải. Kích thước: 7*9cm – 4 lớp				Bảo Thạch	Việt Nam	1 miếng/1 gói – Thùng: 50 gói	Miếng	28,000	10,000	280,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
20	Gel làm giảm sẹo FORSCAR SCAR RECOVERY GEL 10ML	Gel làm giảm sẹo FORSCAR SCAR RECOVERY GEL 10ML	Thành phần: Cyclomethicone; Dimethicone; Dimethiconol; Crosspolymer; Squalane; Trimethylsiloxysilicate; C30-45 Alkyldimethylsilyl Polypropylsilssquioxane.				Alpaya Dogal Ve Kozmetik Urunleri Sannayi Ve Ticaret A.S	Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp 1 tuýp 10ml	Hộp 1 tuýp 10ml	508,000	3,000	1,524,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT

STT	Tên hàng hóa theo yêu cầu báo giá	Tên thương mại	Thông số/thành phần/đặc tính kỹ thuật	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng dùng	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Tên công ty trúng thầu
27	Ống nối dây máy thở (Catheter mount)	Catheter mount	Đường kính trong 22 mm đối với người lớn + Có các đầu nối tiêu chuẩn quốc tế (đường kính ngoài 22 mm, đường kính trong 15 mm) để kết nối máy thở với ống nội khí quản (ETT), ống mở khí quản, hoặc các dụng cụ không xâm lấn khác.				Greetmed	Trung Quốc	200 cái/thùng	Cái	28,000	1,000	28,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
28	Ống thông phổi	Ống dẫn lưu màng phổi MEDICIC MEDIKIT	Ống dẫn lưu màng phổi MEDICIC MEDIKIT ống dẫn lưu ngực - Nhiều cỡ 16 đến 32 Nhiều kích cỡ từ 16 đến 32, phù hợp với từng tình trạng bệnh lý khác nhau. Vạch chia rõ ràng, giúp bác sĩ theo dõi chính xác lượng dịch thoát ra. Đầu ống được bo tròn, hạn chế tổn thương khi đặt vào khoang màng phổi.				MEDICIC MEDIKIT	Ấn Độ		Cái	35,000	1,000	35,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
29	Ống thông tiểu 1 nhánh	Ống thông tiểu 1 nhánh	Chất liệu cao su thiên nhiên đã được lưu hóa, trong và ngoài thân được bọc một lớp silicone. Đóng gói tiệt trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc FDA				Greetmed	Trung Quốc	hộp/10 sợi	Ống	11,000	2,000	22,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
30	Que thử 3 in 1	FORA 6	Que thử Đường huyết (BG), Hematocrit (HCT), Huyết sắc tố (HB) dành cho Fora 6 Connect				ForaCare	Thụy Sĩ	Lọ 25 que	Hộp	280,000	100	28,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
31	Que thử Acid Uric	Que thử Axit Uric (Gout) FaCare FCM168	Que thử Axit Uric (Gout) FaCare (Model: FCM168) là phụ kiện dùng để lấy máu phục vụ cho việc đo chỉ số axit uric, sản phẩm kèm theo máy và được sử dụng một lần				TAIDOC	Đài Loan	Hộp/10 test	Hộp/10 test	125,000	30	3,750,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
32	Que thử Cholesterol	Que thử mỡ máu FaCare M168	Phạm vi đo: 100~400mg/dL (2.6-10.4 mmol/L) Thời gian đo: ≤60 giây Dải Hematocrit: 20% – 60% Mẫu máu: Rất nhỏ, chỉ 3µL mẫu máu mao mạch				FaCare	Đài Loan	Hộp/10 test	Hộp/10 test	365,000	30	10,950,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
33	Que thử đường huyết	Que thử đường huyết FaCare FC M168	Phạm vi đo: 10~800mg/dL (0.56 – 44.44 mmol/L) Thời gian đo: ≤5 giây Dải Hematocrit: 0% – 70% Mẫu máu: Rất nhỏ, chỉ 0,5µL mẫu máu mao mạch				FaCare	Đài Loan	Hộp/25 test	Hộp/25 test	260,000	150	39,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT

STT	Tên hàng hóa theo yêu cầu báo giá	Tên thương mại	Thông số/thành phần/đặc tính kỹ thuật	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng dùng	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Tên công ty trúng thầu
34	Que thử Ketone	Que thử Ketone máy Fora 6	Đo chỉ số Ketone trong máu. Công nghệ Gold Advance Strip mới: độ chính xác cao. Lượng máu: 0,8 µl Cho kết quả sau 10 giây Phạm vi đo: 4.0 – 83.4 mg/dL				ForaCare	Thụy Sĩ	Hộp/10 test	Hộp/10 test	550,000	40	22,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
35	Tấm lót chưa tiệt trùng	Tấm trải Nylon vô trùng Bảo Thạch	3 lớp: Lớp trên vải không dệt mềm mại, thoáng khí, lớp giữa bông tơi & hạt siêu thấm hút, Lớp dưới Màng PE chống thấm Kích thước: 40 x 60 cm				Bảo Thạch	Việt Nam	Tấm	Tấm	8,000	1,000	8,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
36	Thông foley 3 nhánh các số	Dây thông tiểu 3 nhánh Sond Foley Greetmed GT022-300	Chất liệu cao su thiên nhiên phủ silicone, có cản quang, dài 225mm - 320mm, tiệt trùng. Các số, các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc FDA (hoặc tương đương)				Greetmed	Trung Quốc	Hộp 10 cái	Cái	28,000	1,000	28,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
37	Vật liệu cầm máu collagen tự tan	Bông xốp cầm máu BBraun Lyostypt	Bông xốp cầm máu BBraun Lyostypt 5 x 8 cm hay còn gọi là Bông xốp cầm máu BBraun Lyostypt là 1 bông xốp collagen tan tự nhiên				BBraun	Đức	Hộp 6 miếng	Miếng	160,000	1,000	160,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
38	Xịt kháng khuẩn Fasthealz First Aid Spray	Xịt kháng khuẩn Fasthealz First Aid Spray	Thành phần: Octenidin Kali Glycyrrhizinate				Công ty Cổ phần Novopharm	Việt Nam	Chai 50ml	Chai	205,000	5,000	1,025,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC TUYẾT
	Tổng: 38 mặt hàng												**8,683,874,600**	